TỔNG QUAN VỀ VĂN TỰ TRÊN KIẾN TRÚC CUNG ĐÌNH VÀ CHÙA QUÁN HUẾ: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG

PHẠM ĐỨC THÀNH DŨNG*

Trong hơn một thế kỷ rưỡi là thủ phủ của các chúa Nguyễn, rồi Kinh thành của triều đại Tây Sơn, tiếp đến là 143 năm định đô của triều Nguyễn, Kinh đô Huế của đất nước thống nhất đã tích hợp tinh hoa kiến trúc nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, hình thành nên một quần thể kiến trúc phong phú đa dạng nhưng trật tự ngăn nắp, gồm thành quách cung điện, lăng tẩm, đền đài, miếu mạo, chùa quán, phủ đệ... Tất cả lại được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên kỳ tú, hài hòa đến kỳ lạ với núi non sông hồ, biển trời đầm phá... Đặc biệt, trong thời Nguyễn, kiến trúc gỗ của mỗi đơn nguyên đã hình thành một kiểu mẫu chuẩn mực và đạt đến đỉnh cao trong kiến trúc gỗ của cả nước; trong đó, sự sáng tạo trong trang trí là một thành tựu đáng ghi nhận, mà trang trí "nhất thi nhất họa" là một đỉnh cao đặc thù riêng có của kiến trúc Huế. Khi khảo cứu đặc điểm văn tự chữ Hán trên kiến trúc Huế, chúng tôi lưu tâm đến lịch sử hình thành, công năng, những hoàn cảnh khách quan tác động lên công trình, cũng như quan điểm triều đại và thái độ nhân văn của một số nhân vật cụ thể, để lý giải phần nào cho sự hình thành những nội dung đặc trưng cho từng công trình đang hiện hữu. Đồng thời, để giúp độc giả có một cái nhìn tổng quan, chúng tôi cũng cố gắng trình bày khái quát đặc trưng nội dung văn tự trên các công trình kiến trúc cung đình Huế: từ các cung điện chức năng hành chính, hoặc sinh hoạt của đế vương, đến biệt cung ngự uyển, rồi miếu đường, lăng tẩm; cho đến các ngôi chùa quán từ xưa.

I. Lược sử quy hoạch Hoàng thành và hình thức "nhất thi nhất hoạ"

Năm 1804, vua Gia Long khởi công xây dựng Hoàng thành Huế, mở đầu là các công trình quan yếu mang tính tâm linh và các công trình để điều hành chính sự: Triệu Miếu và Thái Miếu để thờ các đời chúa Nguyễn, Hoàng Khảo Miếu để thờ song thân nhà vua, điện Cần Chánh làm nơi nhà vua thiết triều, và cung Diên Thọ dành cho Hoàng thái hậu... Sau khi vua Minh Mệnh lên ngôi, toàn bộ Hoàng Thành, Tử Cấm Thành được quy hoạch lại, điện Thái Hòa được dời lên phía nam, xây dựng Ngọ Môn thay Đoan Môn; đặc biệt phá vỡ nguyên tắc "tả tổ hữu xã" của ngày trước, tạo thành 2 khu miếu thờ hết sức đăng đối bên trong Hoàng Thành: Bên tả là Triệu Miếu và Thái Miếu, bên phải là Hưng Miếu và Thế Miếu... Từ đó, Hoàng cung triều Nguyễn đã hình thành một diện mạo bình chỉnh cân phân, hoàn toàn đặc thù cho quy hoạch kiến trúc Việt...

Về phía đơn nguyên kiến trúc, trong giai đoạn này đã hoàn chỉnh kiến trúc gỗ độc đáo "trùng thiềm điệp ốc" của nhiều toà

*TS. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế

nhà nối kết với nhau qua vì thừa lưu, tạo được một không gian rộng rãi sâu hút và nhất quán. Trong đó, kết cấu chịu lực hàng dọc qua vì kèo, trếnh,… đã vô cùng vững chãi và đạt đến mỹ thuật đỉnh cao qua nghệ thuật chạm khảm; kết cấu chiều ngang ngoài hệ xuyên, hệ xà trên dưới, đòn tay, rui lách, diềm dũi…, được bổ sung thêm bằng một hệ thống liên ba rất chắc chắn vừa lại đóng vai trò quan yếu trong hình thức trang hoàng. Ngay từ buổi đầu xây dựng Kinh đô dưới thời vua Gia Long, hình thức liên kết phụ trợ các đơn vị gian trong kiến trúc bằng các bức liên ba theo kiểu truyền thống đã được nâng cao một tầm mới: các ô hộc trên liên ba được trang trí bằng thi và họa, không còn để trơn hay dùng song tiện đơn thuần như ở dân gian nữa, điển hình còn lại hiện nay là những cấu kiện còn khá nguyên gốc ở công trình Triệu Miếu.

Đến thời Minh Mệnh, việc sử dụng thơ văn để trang trí trên các công trình càng trở nên phổ biến và trở thành điển chế. Do vậy, các công trình kiến trúc như Ngọ Môn, Điện Thái Hòa, Đại Cung Môn, Điện Cần Chánh, Thái Tổ Miếu, Triệu Tổ Miếu, Hưng Tổ Miếu, Thế Tổ Miếu, và chắc hẳn cả Điện Càn Thành, Cung Khôn Thái… đều sử dụng văn thơ để trang trí khắp trên liên ba, đố bản, ở cả nội và ngoại thất công trình. Và cách trang trí 1 ô thơ hoặc 1 đại tự đi liền với 1 bức họa tạo nên kiểu thức "nhất thi nhất họa" hoặc "nhất tự nhất họa" đã hình thành và phát triển đến mức hoàn thiện trong một thời gian không dài, và gần như đã trở thành một phong cách riêng trong trang trí kiến trúc cung đình thời Nguyễn. Trong giai đoạn này, chất liệu chế tác để tạo nên hệ thống văn tự thường là chạm trên gỗ quý hoặc cẩn bằng xà cừ, xương hay cao cấp hơn là bằng ngà voi, hoặc dùng đồ pháp lam (tức đồ đồng tráng men). Tuỳ theo công năng công trình, là thơ, sẽ được tuyển chọn những kiệt tác của hoàng đế, hoàng thân, đại thần... giao cho các nhà thư pháp bậc nhất cung đình viết chữ; là họa, thì giao các họa gia đệ nhất vẽ theo chủ đề trong khuôn khổ đã định; rồi giao tất cả cho các nghệ nhân khắc, chạm hoặc khảm, cẩn trực tiếp lên những tấm gỗ đã định sẵn kích cỡ rồi gắn trực tiếp lên công trình (sau đó có thể sơn son thếp vàng, sơn màu hay sơn quang), tạo thành những liên ba, đố bản, cổ diềm, vách ván của cung điện, đình tạ, lầu các... Đối với pháp lam cũng vậy, các họa gia sẽ viết chữ họa tranh, giao cho các nghệ nhân tráng men trên những tấm đồng, tạo nên những bức thơ, họa pháp lam nhiều màu sắc, chủ yếu dùng để trang trí ở ngoại thất công trình, trên cổ diềm cung điện, trán cổng… Về sau, trong giai đoạn giao thoa với kiến trúc phương Tây, phong cách "nhất thi nhất họa" biến thể về kiểu thức và dùng chất liệu nề ngõa, khảm thủy tinh, sành sứ...

Do vậy, hệ thống thơ văn chữ Hán trên kiến trúc cung đình Huế là hệ thống những áng văn thơ tinh túy nhất vốn được tuyển chọn từ trước tác của các vị hoàng đế, thân vương, quan lại triều Nguyễn được chạm, khắc, khảm, cẩn, tráng men hay đắp nổi trên các công trình kiến trúc cung đình tại Kinh đô Huế trong giai đoạn 1802-1945. Hệ thống này bao gồm các bài thơ, bài văn, câu đối được thể hiện trực tiếp bằng nhiều loại hình chất liệu khác nhau (gỗ, ngà voi, xương, xà cừ, pháp lam, sành sứ...) trên công trình kiến trúc như một cách thức trang trí đặc biệt, riêng có tại Huế. Trải qua thời gian, sự tàn phá của chiến tranh, các thảm họa thiên nhiên và con người, Cố đô Huế vẫn còn bảo tồn được một số lượng rất lớn hệ thống thơ văn độc đáo này. Cụ thể là còn 2956 ô thơ được chạm cẩn trên gỗ, 146 ô thơ trên chất liệu pháp lam, và 88 đơn vị ô thơ và câu đối... Đây là khối tài

liệu lưu trữ các tác phẩm thơ văn hàm chứa nhiều thông tin có giá trị, phần nào giúp nghiên cứu hình ảnh của hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, con người của một quốc gia trong một giai đoạn lịch sử. Các tài liệu này ngoài giá trị nội dung thông tin, bản thân nó trải qua thời gian 2 thế kỷ đã trở thành một sưu tập cổ vật vô cùng phong phú và quý giá. Bên cạnh đó, đây còn là bộ sưu tập tranh, thư pháp, tác phẩm mỹ thuật công nghệ vô cùng đa dạng, độc đáo và giá trị lớn. Các tác phẩm này mang dấu ấn thời đại đã sản sinh ra nó, hình thành một hình thái văn hóa riêng của kiến trúc cung đình Nguyễn trên quần thể Di tích Cố đô Huế.

II. Kiến trúc cung đình

1. Hoàng Thành Huế

Trên đường Dũng đạo, hiện nay thơ văn còn lại rất đầy đủ trên kiến trúc từ Ngọ Môn đến Điện Thái Hoà, qua ảnh tư liệu cũng thấy được văn tự sắp xếp rất quy củ trên Đại Cung Môn cũng như ở điện Cần Chánh, chắc hẳn ở Điện Càn Thành (nơi ở của vua), Cung Khôn Thái (nơi ở của Hoàng hậu) cũng được bài trí theo lối "nhất thi nhất hoạ". Các công trình trên trục trung tâm này đều có những mảng bài trí kiểu thức này, tất nhiên chỉ ngoại trừ Điện Kiến Trung là kiểu kiến trúc Tân-cổ điển không có kết cấu liên ba.

Trên trục bên tả, gồm 2 ngôi miếu chính: Triệu Tổ Miếu (thờ tướng Nguyễn Kim thân sinh chúa Nguyễn Hoàng), Thái Tổ Miếu (thờ 9 đời chúa Nguyễn); và 3 ngôi điện: Long Đức, Chiêu Kính, Mục Tư (Long Đức thờ chúa Nguyễn Hoàng; Chiêu Kính, Mục Tư mỗi điện thờ 4 chúa theo thứ tự, thay cho điện thờ trên lăng). Tuy rằng Thái Tổ Miếu không còn nữa, nhưng suy từ điển chế triều đình, cũng như khảo sát những ngôi miếu còn lại trong Hoàng Thành, chúng ta dễ dàng xác đoán được rằng: Triệu Tổ Miếu và Thái Tổ Miếu đều được sơn son thếp vàng và trang hoàng "nhất thi nhất hoạ". Còn 3 ngôi điện, từ những gì còn lại lúc khảo sát cũng như lịch sử hình thành mang tính "tình thế" để thờ các Chúa sau khi tấn tôn Hoàng đế (mỗi Hoàng đế đều phải vừa có miếu thờ và cả điện thờ), nên tuy được được sơn thếp và lợp ngói Hoàng lưu ly nhưng không có "nhất thi nhất hoạ".

Trên trục bên hữu, còn đầy đủ 2 ngôi miếu sơn son thếp vàng lộng lẫy và trang trí "nhất thi nhất hoạ" là Hưng Tổ Miếu (thờ thân phụ vua Gia Long) và Thế Tổ Miếu (thờ các vua Nguyễn); đặc biệt nhất là Thế Tổ Miếu, thể hiện thứ lớp trùng điệp mà chỉnh chu cân phân là một điển hình công trình thờ cúng của bậc đế vương.

Ngoài ra, trong phạm vi Hoàng Thành còn rất nhiều công trình trong các khu vườn ngự như Trường Ninh, Ngự Viên, Thiệu Phương, Cơ Hạ, Doanh Châu… do đã quá nhiều lần thay đổi công năng và hư hao quá nhiều nên chưa khảo sát được diện mạo nguyên thuỷ, song trên mặt tổng thể cũng có thể nhận định sơ bộ: những ông vua hay chữ của triều Nguyễn đã trình bày chữ nghĩa lên khắp cả nơi giải quyết chính sự, cả những nơi thờ cúng, thì há lại để trống ở những nơi hưởng thú tiêu dao những lúc an nhàn giữa muôn trùng công việc?

Từ những thực tế như đã trình bày, phạm vi phần này xin giới thiệu nội dung văn tự trên một số công trình tiêu biểu: Điện Thái Hoà, khu vực Thái Tổ Miếu-Triệu Tổ Miếu, khu vực Hưng Tổ Miếu-Thế Tổ Miếu.

1.1. Điện Thái Hòa

Trên trục Dũng đạo của Hoàng cung hầu hết các công trình đều có chạm khắc văn tự, từ Ngọ Môn, 2 Phường môn, Điện Thái Hoà,

Đại Cung Môn, Điện Cần Chánh, điện Càn Thành, Cung Khôn Thái, đều có chạm khắc các ô hộc, song Ngọ Môn chỉ có 8 ô pháp lam trên bờ nóc, Đại Cung Môn và Điện Cần Chánh đã bị phá huỷ chỉ còn thấy văn tự trên ảnh tư liệu, Điện Càn Thành và Cung Khôn Thái cũng không còn chỉ xác đoán qua điển chế công trình, nên ở đây chỉ nêu đặc điểm văn tự ở điện Thái Hoà.

Điện Thái Hoà là điểm xuất phát xây dựng trong những ngày đầu quy hoạch Kinh đô là Hoàng Thành - Tử Cấm Thành, nằm ở vị trí trung tâm lệch nam, cũng là ngôi điện quan trọng nhất của Hoàng Thành và trong thiết chế chính trị của triều đình nhà Nguyễn. Đây là nơi hoàng đế cử hành lễ đại triều một tháng 2 lần nhằm vào ngày Mồng 1 và ngày Rằm để giải quyết chính sự và tổ chức những đại lễ quan trọng nhất của triều đình như lễ Đăng quang, Lễ Vạn thọ, Lễ Truyền lô, Lễ Hưng quốc khánh niệm...

Ngôi điện này vừa là bộ mặt hành chính vừa đóng vai trò chính thức trong đối nội đối ngoại, cho nên những biểu hiện ngay tại quy mô cấu trúc của nó cũng rất rõ ràng tính trật tự, tôn ti của xã hội. Về vị trí, chất liệu cũng như nội dung văn tự, có thể phân 2 mảng khá rạch ròi:

- Văn tự chạm khắc trong nội thất:

Phù hợp với công năng như đã nêu trên, những bài thơ bên trong điện Thái Hòa cũng mang ý nghĩa chính trị tương đương. Trước hết, triều Nguyễn đã gửi gắm vào đây những lời tuyên ngôn độc lập, khẳng định chủ quyền của đất nước cũng như khả năng xây dựng và bảo vệ non sông gấm vóc của dân tộc Việt.

Tiêu biểu là bài thơ ngay chính giữa ngôi điện này:

文獻千年國 *Văn hiến thiên niên quốc*
車書萬里圖 *Xa thư vạn lý đồ*
鴻龐開闢後 *Hồng mang khai tịch hậu*
南服一唐虞 *Nam phục nhất Đường Ngu*

(*Nghĩa*: Nước Việt đã ngàn năm văn hiến, Cơ đồ vạn dặm thống nhất hoàn toàn. Từ thuở đại công mở nước, Trời Nam một cõi sánh với Đường, Ngu).

Hai bài thơ bên cạnh càng bổ sung cho một tuyên ngôn độc lập của một đất nước được xây dựng lại với một triều đại mới đầy hứa hẹn phồn vinh thái bình:

太平新制度 *Thái bình tân chế độ*
軒豁舊規模 *Hiên khoát cựu quy mô*
文物聲名會 *Văn vật thanh danh hội*
春風滿帝都 *Xuân phong mãn đế đô*

(*Nghĩa là*: Nước thái bình trong chế độ mới, Mở thênh thang bờ cõi xưa. Văn vật và hiền tài tụ hội, Gió xuân tràn ngập cả kinh đô).

Bài bên phải:

大地鐘靈氣 *Đại địa chung linh khí*
群星拱帝樞 *Quần tinh củng đế xu*
聖皇中建極 *Thánh hoàng trung kiến cực*
斂福以時敷 *Liễm phúc dĩ thời phu*

(*Nghĩa là*: Đất lành hun đúc linh khí, Tinh tú chầu về nơi vua ở. Bậc thánh đế trang nghiêm trên ngôi báu, Tích phúc để ban bố đúng lúc cho dân).

Đặc biệt, trong tất cả những bài thơ ở đây, khi tôn xưng các vua Nguyễn đều gọi là Thánh nhân, Thánh đế, Hoàng đế, Thiên tử... điều đó cũng có ý khẳng định vị thế của đất nước độc lập, ngang tầm với những đất nước hùng mạnh nhất bấy giờ, mà cụ thể là muốn đối sánh với Trung Hoa.

Hơn thế, thơ văn trên Điện Thái Hòa còn là những bản hùng ca nhiều lần xưng tụng cõi Nam này ngang hàng với các triều đại hưng thịnh nhất thời xưa như thời Tam Hoàng, Ngũ Đế của Trung Hoa. Có khi ngợi ca sự hùng mạnh của đất nước làm nhỏ đi bao triều đại thịnh vượng khác (*Quy mô tiểu Hán Đường* 規模小漢唐).

Một ý khác cũng thể hiện lòng tự tôn của dân tộc khi khẳng định vị thế của đất nước trong khu vực. Một bài thơ nữa cho thấy vị thế của triều đình Đại Nam hùng cường, mở rộng biên giới và nhiều nước lân cận phải đến chầu.

日月光天德 *Nhật nguyệt quang thiên đức*
山河壯帝居 *Sơn hà tráng đế cư*
八荒歸户牖 *Bát hoang quy hộ dũ*
四海入庭除 *Tứ hải nhập đình trừ*

(*Nghĩa là:* Mặt trăng mặt trời sáng rực đức của trời, Núi sông làm vững vàng ngôi của vua. Những vùng hoang dã cũng thành cư dân của triều đình, Các nước khắp nơi vào chầu trước sân.)

Thơ văn ở đây còn ngợi ca đất nước dưới thời đại này vô cùng quy củ, có tôn ti, trật tự, lễ nhạc vượt cả thời Tam đại; đồng thời nhân tài văn võ luôn luôn có sẵn và nguyện phục vụ cho lợi ích và lợi quyền của đất nước, của dân tộc.

- Văn tự bên ngoài, trên cổ diềm, chất liệu pháp lam: 47 ô thơ

Phần trang trí cổ diềm bên ngoài cung điện các ô thơ chất liệu pháp lam, nội dung hoàn toàn khác với thơ văn trong nội điện, chủ yếu tả cảnh tả tình, ca tụng non nước mây trời…, hao hao với những bài trên nóc mái Ngọ Môn, phần lớn tìm được trong Ngự chế thi của vua Minh Mệnh. Có thể đơn cử một bài:

御苑神僊果 *Ngự uyển thần tiên quả*
春天芳艷花 *Xuân thiên phương diễm hoa*
風來飄絳雪 *Phong lai phiêu giáng tuyết*
日出晃丹霞 *Nhật xuất hoảng đan hà*

(*Nghĩa là*: Quả thần tiên vườn Thượng uyển, Hoa tươi thơm ngát trời xuân, Gió lay màn lụa tuyết, Mặt nhật lóa rạng như son)

Từ sự không đồng nhất về nội dung cùng tìm hiểu lịch sử xây dựng Điện Thái Hoà, khiến chúng tôi nghĩ đến nội thất và cổ diềm bên ngoài được trang hoàng vào hai thời điểm khác nhau. Chúng tôi có một số đoán định như sau:

+ Thơ văn chạm khắc trong nội thất điện Thái Hoà thực hiện trong giai đoạn vua Minh Mệnh quy hoạch lại toàn bộ Kinh Thành, đưa Điện Thái Hoà dịch lên phía Nam, cải tạo to lớn hơn (1833). Thời đoạn này, nhà vua đã tuyên bố hùng hồn về một đất nước Việt Nam giàu mạnh, một thiết chế chính trị vững chãi, một nền điển chế lễ nhạc hoàn chỉnh, vượt qua tất cả những triều đại hưng thịnh trong huyền thoại. Thời kỳ mới lập quốc còn bao nỗi gian nan, vua Gia Long xây Điện Thái Hoà có lẽ chưa có những tuyên ngôn như vậy, hơn nữa thời gian xây dựng điện chỉ có 8 tháng (2-10/1805), khó có thể có một ngôi điện hoàn hảo như vậy.

+ Thơ văn trên cổ diềm bên ngoài điện được làm cùng với các ô ở bờ nóc Ngọ Môn, lấy từ *Ngự chế thi* của vua Minh Mệnh, khả năng lớn nhất là vào năm 1923 khi vua Khải Định cho đại gia trùng kiến Điện Thái Hoà và Ngọ Môn, chuẩn bị cho lễ Tứ tuần đại khánh của nhà vua.

1.2. Khu vực Triệu Tổ Miếu và Thái Tổ Miếu

Trong thời đại Nguyễn, nghi lễ thờ cúng tổ tiên được quan tâm rất mực. Ngay khi quy hoạch và bắt tay xây dựng Hoàng Thành, những ngôi miếu thờ được đưa vào kế hoạch xây dựng đầu tiên: cụ thể là khu vực Triệu Tổ Miếu và Thái Tổ Miếu, chính là khu vực thờ tự các đời chúa Nguyễn trị vì Đàng Trong trước giai đoạn Hoàng đế Gia Long thống nhất đất nước; gồm 2 miếu thờ chính: Thái Tổ Miếu thờ 9 đời các chúa Nguyễn và Triệu Tổ Miếu thờ song thân của chúa Nguyễn Hoàng - vị chúa đầu tiên khai phá phương Nam; cạnh đó, còn những ngôi điện thờ không có thi hoạ, hình thành

mang tính "tình thế" như trình bày ở phần trên: Điện Long Đức, Điện Chiêu Kính, Điện Mục Tư

1.2.1. Triệu Tổ Miếu

Triệu Tổ Miếu là công trình kiến trúc được khởi công sớm nhất (1804) còn lại đến hôm nay. Toàn bộ liên ba đố bản ở đây còn khá nguyên vẹn, nhiều ô thơ bị mất chúng tôi đã biện luận khảo chứng và phục hồi. Tổng cộng còn lại 62 ô thơ, nguyên được sơn son thếp vàng, chữ nghĩa được chạm nổi đặc biệt, mang một phong cách rất riêng. Toàn bộ được trình bày rất đăng đối. Nội dung ở đây ca tụng đạo đức và công lao của vị chủ nhân được thờ, lớn như trời đất, sáng tày nhật nguyệt, đã có công đặt nền móng cho triều đại, khiến cho núi sông đã phân định rạch ròi, triều đình ổn định, đã mưu cầu sự nghiệp cho đời sau. Nhờ ơn đức ấy, con cháu đã phát triển ngày càng nhiều và thành công trong nối nghiệp xây dựng giang sơn xã tắc. Vì vậy, nhân dân luôn hướng về với một tấm lòng tri ân, con cháu luôn tổ chức thờ cúng thật trang nghiêm để ghi nhớ ơn đức.

1.2.2. Thái Tổ Miếu

Thái Tổ Miếu là ngôi miếu có quy mô lớn nhất và rực rỡ nhất Hoàng Thành, đáng tiếc là miếu đã bị phá hủy trong chiến sự năm 1947. Ngôi miếu đang hiện hữu được xây dựng lại năm 1971 thật đơn giản, chỉ để gìn giữ nghi lễ thờ cúng trong hoàng tộc Nguyễn Phước. Xét thời điểm xây dựng ngôi miếu, rồi được trùng kiến theo quy hoạch quá độc đáo của vua Minh Mệnh, cùng khảo sát các ngôi miếu khác, chúng tôi đoán định rằng: nguyên thuỷ ngôi miếu này được trang trí liên ba "nhất thi nhất hoạ" hết sức cẩn mật, và chắc hẳn cứ mỗi gian thờ mỗi chúa Nguyễn sẽ trang trí những bài thơ ca tụng đức độ và công tích của vị chủ nhân từng gian.

1.3. Khu vực Hưng Tổ Miếu và Thế Tổ Miếu

Khu vực thờ cúng thứ hai được xây dựng trong Hoàng Thành là khu vực Thế Tổ Miếu và Hưng Tổ Miếu nằm đối xứng với khu vực Triệu Tổ Miếu - Thái Tổ Miếu qua trục chính của Hoàng Thành.

1.3.1. Hưng Tổ Miếu

Hưng Tổ Miếu là miếu thờ thân phụ và thân mẫu của vua Gia Long. Năm 1804, vua Gia Long đã cho xây miếu thờ cha mẹ có tên là Hoàng Khảo Miếu; đến thời Minh Mệnh, năm 1821, miếu được dời về vị trí đang hiện hữu; đến năm 1947, miếu bị thiêu cháy trong chiến tranh. Năm 1951, bà Từ Cung (Hậu của vua Khải Định) cho mua lại khung nhà gỗ của một hoàng thân thời Nguyễn (hoàng thân Nguyễn Phúc Quang) về dựng lại ở đây để thay thế ngôi miếu cũ, đồng thời điều chỉnh nhiều chi tiết cho hợp với miếu thờ của một vị đã được tấn tôn là Hoàng đế.

Ngôi miếu tổng cộng có 83 ô thơ, được chạm khắc rất tinh tế, chữ nghĩa mang một phong cách rất riêng, so với các miếu thờ khác; đều được sơn son thếp vàng như quy chế miếu thờ của một vị Hoàng đế.

Đa phần ở đây là thơ tả cảnh, tả vật; có đến 6 bài bắt đầu bằng câu "Hà xứ xuân quang hảo" (nắng xuân đẹp khi nào và ở đâu). Bên cạnh đó là những bài thơ tả gió mát, trăng thanh, sông nước mây trời... Nhiều bài thơ ở đây được chạm rất đẹp nhưng lại phát hiện không được hoàn chỉnh, đôi khi thiếu chữ do chạm khắc tùy tiện, và đa phần được tìm thấy trong *Ngự chế thi* của vua Thiệu Trị như *Vũ hậu*, *Vũ hậu vân*, *Thu phàm*, *Vũ hậu tình*, *Vũ hậu giang*, *Vũ hậu điền*, *Thu dạ*, *Trì đường văn toạ*...

Rất nhiều chứng lý để có thể chứng minh rằng thơ văn ở đây được làm lại trong thời gian sau này: *một là,* nội dung thơ văn

không phù hợp với chốn miếu thờ (không nhất quán với Triệu Miếu và Thế Miếu); *hai là*, việc chạm khắc thể hiện nhiều sai sót nhầm lẫn, làm mất đi tính đăng đối và tính trang trọng của hình thức "nhất thi nhất hoạ"; *ba là*, việc tìm thấy nội dung thơ trong *Ngự chế thi* của vua Thiệu Trị càng có thể khẳng định thơ văn ở đây được "tôn tạo" thêm trong thời bà Từ Cung phục hồi thích nghi kiến trúc này cho phù hợp điển chế thờ cúng một vị hoàng đế (được tấn tôn).

1.3.2. Thế Tổ Miếu

Phía trước Hưng Tổ Miếu là Thế Tổ Miếu - ngôi miếu thờ các vị vua Nguyễn; được vua Minh Mệnh cho xây dựng từ năm 1821-1822; lúc đầu để thờ vua Gia Long. Về sau, các vua kế nghiệp lần lượt được thờ ở các gian tiếp theo trật tự "tả chiêu hữu mục" và được đặt miếu hiệu theo đúng tên của chiếc đỉnh ứng với gian thờ của mình. Đến thời điểm triều Nguyễn cáo chung (năm 1945) có 7 vị vua được thờ ở đây.

Hiện nay, Thế Tổ Miếu là công trình được trình bày các ô hộc thi họa nhiều nhất. Riêng thơ đã có đến 676 ô thơ nằm trên các liên ba tầng tầng lớp lớp, nhưng rõ ràng mạch lạc. Đây là công trình điển hình cho sự đăng đối cân phân từ đơn vị gian cho đến từng chi tiết nhỏ như ô hộc. Mỗi ô thơ đều được chạm rất công phu bằng kỹ thuật chạm âm nền xuống để nổi bật chữ lên. Chính kỹ thuật này, thêm lối trình bày đa phần chân phương, lại trên chất liệu gỗ lim, nên trải qua gần 200 năm mà nét chữ vẫn rõ ràng, cộng thêm sơn son và thếp bằng vàng thật khiến mỗi ô thơ trở thành một bức thư pháp rực rỡ và độc đáo vô cùng.

Nội dung của các ô thơ ở đây chủ yếu ngợi ca công đức của vua Gia Long, tán tụng công lao khôi phục cơ đồ, khai sáng triều đại; ngợi ca 18 năm tại vị của vua đã xây dựng một đất nước hùng cường, mở mang được bờ cõi; đồng thời ca tụng nhiều chiến công hiển hách của nhà vua trong tư thế của một chiến tướng thân trải trăm trận... Bên cạnh đó, lồng vào những tư tưởng sử dụng trong cai trị đất nước, chủ yếu dựa trên nền tảng Nho học: tu thân, tề gia, trị quốc...

Tại gian chính giữa, có thể thấy rõ ràng những bài thơ ca tụng tài năng quân sự của vua Gia Long, đã có công lao thu phục cơ đồ và xây dựng đất nước thái bình, làm sáng danh dân tộc Lạc Hồng để đời đời phải ngợi ca.

克復功成庫偃戈
太平象闡海澄波
混同區宇光鴻貉
盛烈長貽世饗歌
Khắc phục công thành khố yển qua
Thái bình tượng xiển hải trừng ba
Hỗn đồng khu vũ quang Hồng Lạc
Thịnh liệt trường di thế hưởng ca

(*Nghĩa*: Khôi phục thành công ngưng chiến chinh, Biển trong sóng lặng hưởng thanh bình. Hòa hợp bốn phương Hồng Lạc sáng, Rực rỡ lâu dài hưởng thịnh vinh.)

Bên cạnh là bài thơ cũng với ý trên song minh họa bằng những địa danh liên quan đến hành trạng của nhà vua, cụ thể là Cần Giờ, Tân Giang, núi Ngự, sông Hương...

芹海新江符兆朕
屏山香水見高清
太平景象光千古
清廟長歌福祿成
Cần hải Tân giang phù triệu trẫm
Bình sơn Hương thủy kiến cao thanh
Thái bình cảnh tượng quang thiên cổ
Thanh miếu trường ca phước lộc thành

(*Nghĩa*: Cần hải, Tân giang tỏ rõ điềm lành; Bình sơn, Hương thủy thấy cao vợi trong xanh. Thái bình cảnh tượng ngàn năm sáng, Tôn miếu ngợi ca phúc lộc thành).

Bài tiếp ngợi ca tài thao lược bình định thiên hạ của vua Gia Long như thời Chu cổ đại, trị nước tài giỏi như vua Thuấn, tài văn võ sánh cả đất trời, đời đời ngưỡng mộ:

周鉞四征天下定
舜絃一鼓萬民亨
武功文德乾坤並
雅頌洋洋奏九成

Chu việt tứ chinh thiên hạ định
Thuấn huyền nhất cổ vạn dân hanh
Võ công văn đức càn khôn tịnh
Nhã tụng dương dương tấu cửu thành

(*Nghĩa*: Như nhà Chu chinh phạt bình được thiên hạ, như Đàn vua Thuấn gảy an được bá tánh. Văn đức võ công của vua ngang trời đất, Cửu thành tấu khúc ngập lời ca thái bình).

Thế Miếu là nơi thể hiện khá rõ vai trò của các ô thơ như những bức tranh trang trí giá trị cao, những bức thư pháp được tạo hình độc đáo, trang trí tại những vị trí trang trọng nhất của công trình vốn đã đăng đối, uy nghi và lộng lẫy.

2. Biệt cung - Ngự uyển:

Di tích Huế có một bước chuyển mình khá rõ khi chuyển sang thời vua Thiệu Trị (1841-1847). Tính chất bình chỉnh cân phân và quy củ trong kiến trúc và trang trí thời Minh Mệnh được nâng thêm một bậc, kết hợp được với tính tinh tế cẩn mật và hào hoa phong nhã như tính cách và văn chương của vị vua tài hoa bác học này. Điển hình trong thời gian này có đình Hương Nguyện ở chùa Linh Mụ, Điện Long An, Minh Trưng Các vốn thuộc Cung Bảo Định (sau đó đưa về làm Tân Thơ Viện và Di Luân Đường của Quốc Tử Giám)...; cùng rất nhiều hành cung, ngự uyển được xây dựng hoặc nâng cấp hoàn chỉnh trong giai đoạn này. Chúng tôi giới thiệu 2 công trình tiêu biểu từng nằm trong biệt Cung Bảo Định: Điện Long An và Minh Trưng Các.

Điện Long An và Minh Trưng Các

Nhiều nhà mỹ thuật đã đánh giá Điện Long An là ngôi điện đẹp nhất Việt Nam. Với 452 ô thơ chữ Hán đa dạng về thể tài, phong phú về nội dung, biến hóa trùng điệp về kiểu cách tạo hình, cùng với kiến trúc điêu khắc chạm cẩn đạt đến đỉnh cao, Điện Long An là một điển hình cho sự kết tinh trí tuệ và cô đúc cảm thức mỹ học của người Việt xưa.

Hầu hết các đề tài truyền thống trên các bức họa như xuân hạ thu đông, liên áp, tùng hạc, bát bửu của Nho, của Lão, hay các bình hoa quả quý tượng trưng cho cát tường như ý, cũng như các kiểu công nghệ chế tác loại hình thơ văn trên di tích đều có ở Điện Long An, loại thì chạm nổi, loại thì chạm chìm, loại thì thếp vàng, loại thì sơn đỏ truyền thống, loại thì cẩn ốc xà cừ ngũ sắc, loại thì cẩn bằng xương thú, loại thì bằng ngà voi... tạo nên một sự mềm mại uyển chuyển, sống động lung linh mà trang nhã bác học...

Điện Long An có 452 ô thơ cùng với Di Luân Đường với thêm 250 ô thơ đẹp rực rỡ, lung linh huyền ảo. Vì 2 ngôi điện này vốn ở một biệt cung của vua Thiệu Trị, nên tất cả thơ văn ở trên đó đều do nhà vua trước tác. Văn tự ở đây, ngoài là một kho tư liệu lịch sử vô giá, còn mang giá trị văn hóa đỉnh cao, giá trị nhân văn rực rỡ. Sự tương xứng và tương hợp giữa giá trị tự thân các thi phẩm và cách lưu giữ quá độc đáo từng bài thơ thành hiện vật sống động, càng cộng hưởng tăng bội giá trị lịch sử của chúng.

Đặc biệt, trong Điện Long An có 2 "cổ vật" được lưu tâm nhiều nhất, đó là 2 bài thơ Hồi văn kiêm liên hoàn được cẩn bằng ốc xà cừ thành một tác phẩm nghệ thuật độc đáo, có thể đọc xuôi ngược thành 64 bài thơ chuẩn mực về nội dung và niêm luật... một bài có tên *Vũ trung sơn thủy*, bài kia là *Phước viên văn hội lương dạ mạn ngâm*.

Thơ văn ở cả hai công trình, tuy mang tính sở hữu của một thi nhân song cũng lồng vào được trách nhiệm của một người làm vua, đề cập đến những đại sự hệ trọng của người chăm dân ở ngôi cao tối thượng, như đúc ngọc tỷ, ban sóc, cày ruộng tịch điền, ân xá tội hình, phê chuẩn tấu chương, luyện quân, phòng bị sông ngòi, chính sách nhu viễn... bên cạnh đó, lại lồng vào những bài thơ hàm chứa tâm tình của một thi nhân giữa không gian và thời gian bất tận... cũng xuân hạ thu đông, cũng yên hoa tuyết nguyệt... Đắm trong suy ngẫm về thiên nhiên, chiêm nghiệm quy luật đất trời, phải chăng cái đích hướng đến là "thông thiên văn, tường địa lý" để cuối cùng "quán được nhân sự" mà người ở ngôi cao tối thượng phải từng phút từng giờ khắc cốt ghi tâm...

Đặc biệt, thơ văn trên Điện Long An còn được bài trí ở vách ván ngăn cách ở chính điện. Ở đây, các bài thơ được trình bày theo chiều dọc, chữ được sơn màu đỏ, nội dung bàn nhiều về các chính sách của triều đình. Có thể minh họa bằng bài "Nhu viễn" tức chính sách phủ dụ phương xa, một chính sách được triều đình sử dụng rất thành công đối với những miền hoang viễn, và các nước phụ thuộc như Thủy Xá, Hỏa Xá:

日日承先聖化彰
山陬海澨儘來王
水邦自 昔充朝貢
火國于 今入職方
重譯一心 陳玉帛
款關千里 效梯航
柔懷廣 被霑聲教
奉朔南天 億載長
右柔遠

Nhật nhật thừa tiên thánh hóa chương,
Sơn tưu hải phệ tận lai vương.
Thủy bang tự tích sung triều cống,
Hỏa quốc vu kim nhập chức phương.
Trùng dịch nhất tâm trần ngọc bạch,
Khoản quan thiên lý hiệu thê hàng.
Nhu hoài quảng bị triêm thanh giáo,
Phụng sóc Nam thiên ức tải trường.
(Hữu Nhu viễn)

(*Nghĩa*: Ngày ngày noi chí đời trước theo pháp chế đã ban, Chân trời góc bể đều là nơi vua phải lo toan. Thủy Xá từ trước đều sung triều cống, Hỏa Quốc đến nay vẫn nhận chức ban. Miền hoang viễn phương Nam một lòng dâng ngọc lụa, Trăm nợ ngoài ngàn dặm noi nhau trèo non vượt biển mà đến. Chính sách nhu viễn khiến thanh uy giáo hóa thấm khắp muôn nơi, Mọi nơi đều tuân theo pháp điển của triều đình mãi mãi. Trên đây là bài *Nhu viễn*.)

3. Lăng tẩm

3.1. Lăng vua Minh Mạng

Lăng tẩm của vua Minh Mệnh cũng là một điển hình thành công trong trang trí "nhất thi nhất họa", và cũng mang dấu ấn sâu đậm của vua Thiệu Trị. Ngôi lăng này phải mất đến 14 năm để tìm ra địa cuộc và thực hiện đề án kiến trúc; thế nhưng chỉ khởi công mấy tháng thì vua Minh Mệnh băng hà đột ngột, vua Thiệu Trị kế tục việc xây dựng ngay sau đó 1 tháng. Có lẽ, vì một ý nghĩa hết sức nhân văn: *không để cho người đã mất phải lo lắng gì đến chính sự hay những bài toán hóc búa khác mà người ở ngôi cao phải ngày đêm toan tính*, nên tất cả thơ văn ở trên lăng vua Minh Mệnh đều dùng những bài thơ tả cảnh, tả người, vịnh trăng trời mây nước, xuân hạ thu đông, chim muông hoa lá... của chính bản thân vua Minh Mệnh sáng tác.

Thơ văn trang trí ở đây tập trung chủ yếu ở các công trình bố trí trên trục Thần đạo. Riêng thơ chạm trên gỗ, ở Bi đình có 64 ô thơ, Hiển Đức Môn 42 ô thơ, Điện Sùng Ân 111 ô thơ, Minh Lâu 216 ô thơ... cũng như ở các công trình đã được giới thiệu, thơ văn ở đây là những tác phẩm mỹ thuật có giá trị

cao trong trang trí một công trình kiến trúc, vừa có hiệu ứng lớn đối với cảm thức mỹ học của người thưởng thức: vừa đẹp, vừa trang trọng, vừa quý phái, vừa trí tuệ...

Hòa mình trong cảnh quan kỳ tú với một cách bố trí đặc biệt các công trình kiến trúc bình chỉnh cân phân, nơi mà phong hoa tuyết nguyệt cùng mây nước sao trời hòa quyện với nhau, rồi đọc những bài thơ chữ Hán độc đáo được tạo hình đặc biệt trên kiến trúc này, có lẽ hiệu ứng mỹ học bấy giờ mới đạt đỉnh cao nhất, và con người sẽ hình dung được một thế giới vĩnh hằng của người đã khuất đẹp đẽ và bình an biết dường nào.

Đặc biệt, ở Điện Sùng Ân, những bài thơ của vua Minh Mệnh được vua Thiệu Trị bài trí rất độc đáo, đôi khi một ô thơ chỉ chứa 1 câu và cả bài được phân bố theo nguyên tắc "tả chiêu hữu mục" như muốn đặt ra một ẩn ngữ cho người đời sau:

氣靜銀河明兔月
風吹碧漢擁羊雲
陰陽調變群生遂
天地溫和萬物殷
Khí tĩnh ngân hà minh thố nguyệt
Phong xuy bích hán ủng dương vân
Âm dương điều biến quần sinh toại
Thiên địa ôn hòa vạn vật ân

(*Nghĩa*: Khí tĩnh Ngân hà rạng trăng soi, Gió đưa trời biếc đùn mây cuộn. Âm dương điều tiết muôn loài thỏa, Trời đất ôn hòa vạn vật sinh sôi.)

Hay bài:

日裏樓頭詩可辯
夜间庭際字估評
九州咸遂瞻依願
四海應同愛戴情
Nhật lý lâu đầu thi khả biện
Dạ gian đình tế tự cô bình
Cửu châu hàm toại chiêm y nguyện
Tứ hải ưng đồng ái đái tình

(*Nghĩa*: Ngày đông bên gác bàn thơ phú, Đêm vắng ngoài sân luận văn chương. Nơi nơi đều thỏa lòng chiêm ngưỡng, Bốn biển cùng nhau niềm kính thương.)

Tại Hiển Đức Môn, những bài thơ cũng được sắp xếp theo những nguyên tắc đặc biệt, đôi khi mỗi ô chỉ một câu, để hậu nhân phải tự tìm tòi ghép lại thành những bài hoàn chỉnh:

初升海角光微朗
纔到天心　益生
小樹短墻何有蔽
穿窻入席但惟明
Sơ thăng hải giác quang vi lãng
Tài đáo thiên tâm ngọ ích sinh
Tiểu thụ đoản tường hà hữu tế
Xuyên song nhập tịch đản duy minh

(*Nghĩa*: Khi lên góc biển ánh sáng còn nhẹ, Vừa đến trời cao ánh sáng càng tăng. Cây thì nhỏ, tường thì thấp, sao có thể che cản được, Xuyên qua cửa sổ vào chiếu chỉ ánh sáng thôi.)

3.2. Lăng vua Thiệu Trị

Lăng vua Thiệu Trị là một kiến trúc tuyệt đẹp tuy có tỉnh giảm khá nhiều so với lăng vua Minh Mệnh. Trị vì được 7 năm, để lại bao công trình nghiên cứu và văn chương, cũng như các loại sách mang tính giáo khoa cho sĩ tử học hành thi cử, song nhà vua lại di huấn cho người con trai kế nghiệp rất mực nhân văn: chỗ xây lăng nên chọn nơi cao ráo và gần gũi để tiện việc đi về... Nên giảm bớt số lượng công trình để đỡ "lao phí đến tài lực của binh dân".

Tuy phải tiết kiệm theo ý nguyện của vua cha, vua Tự Đức khi xây lăng Thiệu Trị đã tỉnh giảm khá nhiều, song thơ văn trên kiến trúc phải có như một tất yếu của công trình mang ý nghĩa trọng đại. Hiện nay, trên Bi đình của lăng còn có 56 ô thơ, Hồng Trạch Môn 48 ô thơ, và Điện Biểu Đức có 115 ô thơ. Cũng như Lăng Minh Mệnh,

Lăng vua Thiệu Trị cũng sử dụng những bài thơ mang tính tiêu dao tự tại của nhà vua, không dùng những bài thơ có thể tài bác học hay có nội dung mang tính triết lý trị quốc chăn dân như ở Điện Long An hay Minh Trưng Các. Có lẽ đó cũng là một thông điệp của vua Tự Đức: xin để cho vua cha yên nghỉ bình an nơi cõi đi về của Người!

何 處 春 生 早
春 生 順 化 都
衣 裳 森 邃 閣
冠 蓋 遍 通 衢
星 宿 文 章 著
山 河 錦 繡 鋪
苞 羅 天 地 態
盡 入 帝 王 圖
Hà xứ xuân sinh tảo
Xuân sanh Thuận Hóa đô
Y thường sâm thúy các
Quan cái biến thông cù
Tinh tú văn chương trứ
Sơn hà cẩm tú phô
Bao la thiên địa thái
Tận nhập đế vương đồ

(*Nghĩa*: Khi nào gọi là xuân đến sớm? Là khi xuân đến ở đô thành Thuận Hóa. Khi áo xiêm niêm dày trên gác thúy, Tàng lọng chật khắp đường xa. Khi tinh tú rực rỡ nét đẹp, Núi sông phô ra như gấm lụa. Khi trời đất bao la rạng rỡ, Đưa trọn vào cho đô thành của đế vương).

3.3. Lăng vua Tự Đức

Suốt 36 năm tại vị, vua Tự Đức chủ yếu chăm lo tu sửa những công trình được kiến thiết từ thời vua Minh Mệnh, nên chữ nghĩa của vua không trang hoàng nhiều trên các công trình kiến trúc. Ngay cả ngôi lăng mộ đẹp tuyệt vời với bao nhiêu công trình kiến trúc đỉnh cao, nhà vua vẫn không cho chạm khắc lên những ô thơ để trang trí như những công trình thời các vua tiền nhiệm. Lăng vua được đặt tên là Khiêm lăng, với chữ "Khiêm" có nghĩa là khiêm tốn, khiêm hòa, khiêm cung… nên nhà vua muốn để trống mọi ô chữ nghĩa, ngụ ý công hay tội của mình cứ để cho người đời sau phán xét… Hơn nữa, lăng vua lại được xây dựng trong giai đoạn vua còn sống và là một hành cung để nghỉ ngơi thụ hưởng phong cảnh trong suốt 16 năm cuối đời, lại là một nhà văn hóa, một nhà thơ, nên nhà vua không muốn đưa chữ nghĩa của bản thân lên đó như một sự lưu trữ theo kiểu biển vàng bia đá... cũng là chuyện dễ hiểu vậy. Càng nhân văn hơn khi nhà vua chỉ chạm khắc một bài *Khiêm cung ký* lên bia đá, xem như một bản kiểm điểm trước trời đất, tông miếu xã tắc và thần dân trăm họ muôn đời về những điều bản thân không làm được. Và, đó là tất cả văn tự đáng kể trên ngôi lăng mộ này.

3.4. Lăng vua Dục Đức

Từ sau thời vua Tự Đức, nhiều biến động trong nước cũng như trong nội bộ hoàng tộc, điển chế "nhất thi nhất họa" ít khi được thực thi, vì thật ra cũng không có nhiều những công trình đẳng cấp để trang trí theo kiểu ấy. Vua Dục Đức kế vị vua Tự Đức chỉ làm vua được 3 ngày, mãi đến thời con trai ông lên ngôi là vua Thành Thái thì mới được xây lăng. Do vậy, và cũng do giai đoạn đó nhiều biến động, lăng mộ được xây dựng đơn giản hơn nhiều so với trước. Trên điện Long Đức thờ vua có chạm 20 ô thơ có vẻ như chỉ mang tính chiếu lệ. Đặc biệt, nội dung thơ ở đây lại khác hơn nhiều so với lăng mộ của vua đầu triều. Hầu như tất cả đều lấy chữ nghĩa trong *Kinh thi*, nhiều bài lấy rất nhiều câu trong *Kinh thi* rồi tác thành bài ca tụng người đã mất, ca tụng thần linh, ca tụng lễ nghi cúng cấp… Có nhiều bài trong tư thế vua Thành Thái, ca ngợi sở học, công đức của vua cha, ca tụng công đức của thần linh ban phúc, tổ chức thờ cúng trang nghiêm, dâng lễ phẩm đầy đủ...

Nhìn chung, có thể vì theo lễ pháp triều đình vua Dục Đức không thể được thờ ở Thế Miếu, nên nội dung thơ văn ở đây lại không mang phong cách tiêu dao tự tại của một khu lăng mộ mang tính riêng tư, mà lại hàm các ý ngợi ca người đã khuất, tán tụng thần linh như nội dung văn tự ở miếu thờ của triều đình.

3.5. Lăng vua Đồng Khánh

Lăng Đồng Khánh có vẻ như khá chuẩn mực trong việc nối lại phong cách "nhất thi nhất họa" sau mấy mươi năm có vẻ quá mờ nhạt. Cung Môn của Lăng Đồng Khánh là một chiếc cổng hoàn chỉnh với kết cấu kinh điển thời vua Minh Mệnh và Thiệu Trị. Với 152 ô thơ được trình bày đăng đối cẩn mật, đây là công trình cuối cùng còn giữ được gần như nguyên vẹn tính chất kinh điển trong trình bày và mỹ thuật đỉnh cao của phong cách "nhất thi nhất họa" trong kiến trúc truyền thống Huế. Nội dung của các bài thơ ở đây cũng như trong điện Ngưng Hy có trùng lặp khá nhiều ở lăng vua Minh Mệnh và lăng vua Thiệu Trị. Vẫn là một thế giới bình yên an lạc, không còn những mối lo toan trong những ngày ở ngôi cao với việc đối ngoại đối nội, mỗi ngày hàng đống tấu chương phải đọc, phải suy xét, phải phê duyệt… mà chỉ một sơ suất thôi có thể để lại những hệ lụy khó lường… Có lẽ đây là tinh thần "cư Nho mộ Thích": hành xử theo Nho, mà lòng chuộng Phật; khi ở ngôi cao thì hành xử theo Nho giáo, trở về với cõi vĩnh hằng thì theo Phật, tìm đến cõi sắc không vô thường…

Cần nói thêm ở khu Lăng vua Đồng Khánh. Do lịch sử khu lăng mộ này, vua Đồng Khánh thuộc dòng Kiên Thái Vương mất đột ngột sau 3 năm tại vị, vua Thành Thái thuộc dòng Thoại Thái Vương lại được nối ngôi, giai đoạn này triều đình cũng khó khăn, nên lấy luôn Điện Truy Tư của vua Đồng Khánh xây cho cha mình là Kiên Thái Vương (lúc đó cũng gần xong) làm điện thờ cho nhà vua (đổi tên thành điện Ngưng Hy), nên lúc đầu chưa có thơ văn trang trí. Đến thời vua Khải Định đăng quang (1916), mộ phần vua Đồng Khánh mới được xây, và tẩm điện được nâng cấp: sơn son thếp vàng, lợp ngói hoàng lưu ly, và trang hoàng văn tự… Khảo sát văn tự ở đây, hầu hết đều là thơ văn ngự chế có trong *Ngự chế thi* của vua Minh Mệnh và vua Thiệu Trị. Điều đó cho phép chúng tôi đoán định: khi trùng tu lăng mộ cho cha mình (từ 1921-1923, để chuẩn bị cho lễ *Tứ tuần đại khánh*), vua Khải Định đã tuyển chọn những bài thơ trong *Ngự chế thi* của vua Minh Mệnh và vua Thiệu Trị chạm khắc lên lăng xem như là một điển chế cho lăng mộ của một vị hoàng đế. Và, cách chọn lựa hoàn toàn mang ý nghĩa như ở lăng 2 vị hoàng đế trước, chủ yếu là thơ văn tả cảnh tả tình…, đúng với tinh thần của một chốn yên nghỉ vĩnh hằng; chuẩn mực hơn cách chọn lựa nội dung thơ của đời sau khi nâng cấp ngôi Hưng Tổ Miếu.

3.6. Lăng Khải Định và một số kiến trúc cùng thời

Từ thời vua Đồng Khánh (1885-1888) trở đi, Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh phương Tây, trong hệ thống kiến trúc cung đình Huế cũng xuất hiện một loại hình kiến trúc mới, sử dụng vật liệu bê-tông, sắt thép và trang trí chủ yếu bằng đắp nổi sành sứ. Chính vì vậy, bên cạnh kiến trúc gỗ chiếm số lượng chủ yếu, trong kiến trúc Cung đình Huế còn có các công trình xây dựng bằng vật liệu cứng theo phong cách kiến trúc thuộc địa hay phong cách Tân - cổ điển (néo - classique), đặc biệt trong thời kỳ của hai vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn là Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1925-1945).

Điển hình nhất là cũng là một thành tựu đáng kể nhất trong giai đoạn giao thoa kiến trúc này chính là Lăng Khải Định: công trình đạt đến đỉnh cao trong kỹ thuật

và mỹ thuật ghép sành sứ. Ở đây, những câu đối mang tính ngợi ca phong cảnh được tạo tác tuyệt vời, nhưng đáng kể nhất có lẽ phải nói đến những bức tranh trang trí bằng các mảnh ghép thể hiện thi và họa: đây là một hình thức biến thể của phong cách trang trí "nhất thi nhất họa". Cũng mai lan cúc trúc, tùng liên đơn liễu, cũng xuân hạ thu đông..., các bài thơ chữ Hán đính kèm cũng chỉ ngợi ca cái tuyệt mỹ của muôn loài, qua đó như nhận ra cái lý tuần hoàn của tạo hóa, kể cả cái sinh, trưởng, hóa, thu, tàng của vạn vật... để thấy được cái đến rồi đi của con người dù là bậc đế vương cũng là quy luật vô thường vậy.

Bên cạnh Lăng Khải Định, công trình cung An Định cũng là một điển hình thành công trong giai đoạn giao thoa. Tòa lâu đài đồ sộ này không làm người ta có cảm giác quá xa lạ so với các hình thái kiến trúc trước đó.

Điều đáng nói nhất ở đây là một bản văn tự hết sức đặc biệt của vua Khải Định được chạm khảm hết sức công phu do chính tay vua Khải Định viết cho nghệ nhân thực hiện, nội dung ghi rõ rằng: nhà vua dùng tiền riêng của mình, không đụng chạm đến quốc khố, để xây nên biệt cung này, mục đích để lại cho Hoàng tử trưởng Vĩnh Thụy (sau này là vua Bảo Đại) làm của cải truyền đời. Có thể rằng, vua Khải Định đã linh cảm được một sự bất an đối với triều đại, hoặc do nhận định được tình hình tất yếu suy vong của ngai vàng dòng tộc, song cũng có thể nhà vua có chủ định rời bỏ ngai vàng... Dẫu sao, đây cũng có thể xem là một động thái rất nhân văn và bản văn trên có giá trị lịch sử vô cùng khách quan và quan trọng.

Thái Bình Lâu cũng là một công trình độc đáo, tinh xảo, rất thành công trong kỹ thuật ghép sành sứ. Ngôi lầu dành cho vua đọc sách này thật thơ mộng trong phối hợp với phong cảnh chung quanh. Những câu đối ở đây cũng ca tụng cảnh sắc thiên nhiên và thành công của triều đại. Đặc biệt, lịch sử xây dựng trích yếu của công trình lại được ghép sành sứ thành một bản văn ở hoành phi bằng nề ngõa ngay phía trước công trình. Đây cũng là một nét đặc biệt của công trình này.

III. Kiến trúc chùa quán, tư gia, triển vọng dòng chảy bảo lưu trang trí văn tự

Từ những nghiên cứu về kiến trúc cung đình và các ngôi quán tự trong giai đoạn Nguyễn như Thánh Duyên, Linh Mụ, Diệu Đế..., chúng tôi sơ bộ nhìn nhận: trừ những khu lăng mộ được xem là thế giới riêng của các vị hoàng đế được trang trí tuỳ vào thị hiếu thẩm mỹ và tính nhân văn của người xây, có thể trình bày tác phẩm của chủ nhân hoặc tổ tiên đời trước vào các công trình tuỳ thích, xem như chốn vĩnh hằng tiêu diêu tự tại không còn ràng buộc thế gian; còn ngoài ra, ở cung điện trong Hoàng Thành, phải là những đại điện của vua làm việc, hoặc vua ăn ở sinh hoạt, cũng như những miếu thờ của các vị được phong hoàng đế, mới có thể sơn son thếp vàng và trang trí "nhất thi nhất hoạ", chính là sự khẳng định đẳng cấp cao nhất của công trình.

Ngoài kiến trúc cung đình, dinh thự tư gia của quan lại hoàng thân quốc thích không thấy hình thức trang trí "nhất thi nhất hoạ"; chỉ có những ngôi chùa được liệt vào hàng quan tự ở Kinh đô do triều đình đứng ra xây cất mới có thể trang trí hình thức này, như hình ảnh còn lại ở Thánh Duyên, Linh Mụ. Do tính đẳng cấp của công trình được quy định rất chặt chẽ của triều đình, nên có thể dự đoán những ngôi quan tự như Giác Hoàng, Diệu Đế, Linh Hựu nguyên thuỷ đều có chạm khắc hình thức "nhất thi nhất hoạ".

Sau khi triều Nguyễn cáo chung, hình thức trang hoàng thi hoạ ở kiến trúc cung đình cũng đã mất đi khá nhiều, đặc biệt trong chiến sự năm 1947. Ngoài cung đình,

những kiến trúc phủ đệ vốn chưa phải đẳng cấp được sử dụng loại trang trí này, nên khi không còn ràng buộc điển chế thì cũng không ai làm thêm, chỉ một số tư gia quá đặc biệt như An Hiên đưa những bài như *Chính khí ca* và những bài văn mừng thăng chức trang trí lên tường gỗ, song cũng không chuẩn theo lối xưa. Riêng thi hoạ chùa quán, mất mát và hư hỏng nhiều, trừ ở chùa Thánh Duyên còn khá nguyên vẹn, Diệu Đế thì làm lại mới hầu hết các công trình, Linh Mụ chỉ còn tháp Phước Duyên và bộ khung đình Hương Nguyện còn nguyên gốc, Giác Hoàng thì mất hoàn toàn, Linh Hựu cũng không còn… song khảo sát hiện nay, chúng tôi lại thấy được một mạch nguồn nối kết tuy nhỏ và không điển hình lắm, nhưng vẫn liên tục trong việc sử dụng văn tự để trang hoàng trên các ngôi chùa xứ Huế.

1. Chùa Thánh Duyên

Ngôi quốc tự Thánh Duyên ở núi Thúy Vân nằm giữa một vùng sơn thủy hữu tình. Chính nơi đây vua Thiệu Trị đã làm bài thơ *Vân Sơn thắng tích* để ngợi ca và xếp cảnh đẹp nơi đây thành một trong 20 thắng cảnh của đất Thần kinh.

Một nét đặc biệt của ngôi quốc tự này là dù ở rất xa Kinh Thành, xuống cấp nhiều lần, tu sửa bao phen, song ngôi điện Đại Hùng vẫn bảo lưu những liên ba trang trí "nhất thi nhất họa" gồm 146 ô thơ được bảo tồn khá tốt. Khác với tất cả các di tích khác, nội dung văn tự ở đây lại hàm chứa triết lý Phật giáo cao siêu uyên bác qua những bài kinh, bài kệ. Có lẽ người xưa muốn gửi gắm rằng: khi vãn cảnh chùa lễ Phật, khách thập phương còn đọc và chiêm ngưỡng giáo lý huyền diệu của Phật giáo qua những ô chữ chạm khắc tinh xảo, để tâm yên ý tĩnh giữa cõi an nhiên tự tại, càng hiệu dụng để quên đi bao phiền não ưu tư của cuộc đời...

2. Chùa Linh Mụ

Ngôi chùa đệ nhất danh lam là Thiên Mụ Tự cũng mang dấu ấn khá đậm nét của vua Thiệu Trị qua các sinh hoạt giữa triều đình và giáo hội, cũng như qua các lần trùng tu. Một nhà bảo tàng các thi phẩm trên kiến trúc gỗ của vua Thiệu Trị thể hiện ở đây khá tiêu biểu là đình Hương Nguyện. Đây là một kiến trúc tinh xảo, được trang trí chủ yếu bằng các ô hộc chạm khắc thơ văn của vua Thiệu Trị, kết cấu gỗ liên kết lực ngang là hai khung liên ba trên và dưới. Khung liên ba trên ôm quanh vòng thái cực được chạm khắc 8 ô thơ, mỗi ô 2 câu, cộng thành 2 bài thất ngôn bát cú đường luật, cụ thể là 2 bài thơ vịnh cảnh Thúy Vân (bài *Vân sơn thắng tích*) và Linh Hựu Quán (bài *Linh quán khánh vận*). Khung liên ba dưới mặt trong trang trí 24 ô thơ, mỗi ô chứa 2 câu thất ngôn, cộng thành 6 bài thơ thất ngôn bát cú, nội dung bàn về triết lý sâu xa trong giáo lý Thích Ca, ca tụng cảnh thoát tục của các ngôi chùa... Mặt ngoài của khung liên ba dưới cũng chuyển tải 6 bài thất ngôn bát cú rải đều trên 24 ô thơ, mỗi ô 2 câu 7 chữ, nội dung chủ yếu cũng là ca tụng cảnh chùa, luận bàn giáo lý... Tất cả, thể hiện một sở học quá uyên thâm về mọi mặt, kể cả giáo lý Phật giáo của nhà vua, có vẻ như nhà vua đã được trang bị tri thức tuyệt luân để cai trị đất nước, để toạ chủ văn đàn, ảnh hưởng mạnh lên tôn giáo, để phục vụ hết sức đắc lực ý đồ chính trị của một triều đại: "Lồng giáo quyền vào trong lòng của hoàng quyền!"

Cần nói thêm, hiện trạng sắp xếp thi hoạ ở đình Hương Nguyện hiện nay là kết quả của công cuộc trùng tu do Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế thực hiện theo nghiên cứu phân lập và lắp đặt lại những ô thơ ở đây chúng tôi thực hiện năm 2003. Trước đó, có thể từ sau cơn bão Giáp Thìn 1904 đình Hương Nguyện đã bị sụp đổ,

mấy năm sau khi triều đình cho dựng lại trên nền Điện Di Lặc đã có sự nhầm lẫn, nên các ô thơ văn bị xáo trộn không theo trật tự nào cả cho đến khi trùng tu.

3. Trình bày thi hoạ ở một số chùa Huế sau thời Nguyễn

Ở Chùa Từ Đàm: Đầu hồi chánh điện trên cuốn thư có khắc 4 bài kệ ngũ ngôn và thất ngôn của 4 vị thiền sư: Nguyên Thiều, Tế Mẫn, Hương Hải, Liễu Quán. Như ý nghĩa thông thường của các bài kệ, nội dung đều là những công án tu tập mà mỗi vị tổ tự ngộ ra để truyền thừa cho các đệ tử, nên mang một giá trị đặc thù, đồng thời Hán tự trình bày trên vách là thư pháp chữ thảo của cố Hoà thượng Thích Thiện Siêu trí tuệ và đạo hạnh, nên giá trị càng được tôn vinh bội phần.

Ở Chùa Châu Lâm: Mặt trước điện gồm 2 bài tán Phật Thích Ca và Phật A Di Đà; hai bên khắc đắp 2 bài kệ trích trong Quyển thứ 5 kinh Lăng Nghiêm, cùng 6 bài tán Tam Bảo; mặt sau hậu tổ gồm bài kệ ca ngợi tăng và vài câu trích từ *Qui sơn cảnh sách văn* và *Nghi lễ sám*, đều được đắp nổi theo nét thư pháp tài hoa của cố Hòa thượng trú trì Thích Phước Thành.

Ở Chùa Từ Ân: Nội dung văn tự chính điện trích dẫn từ Trung Luận: 2 đầu hồi trang trí 16 câu trong bài *Bát bộ tán*; gian chính trung tiền đường bài kệ về tự tánh của các pháp trong phẩm Quán nhân duyên; gian tả nhất khắc đoạn *Bát bất* trong phẩm *Quán nhân quả*; gian hữu nhất trang trí đoạn nói về "bốn duyên" trong phẩm *Quán nhân duyên…*

Ở Chùa Diệu Viên: Ô hộc đại điện được trang trí toàn bộ bài kệ Bát bộ tán 16 câu chia đều cho 4 ô, 4 ô tương ứng vẽ tranh sơn thủy tùng đình; ô hộc và bao lam của khách đường đắp 4 bài kệ trích từ *Kinh Kim Cang, Kinh Vạn Phật, Pháp Bảo Đàn*.

Ở Chùa Kim Tiên: Thi kệ được khắc đục trên chất liệu gỗ và áp quanh trong vách tường chánh điện, nội dung gồm 3 bài kệ của Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni và Phật Ca Diếp ghi lại trong Trùng Trị Tỳ Ni Sự Nghi Tập Yếu quyển 17; các bài kệ chuông và trống sáng chiều…

Ở Chùa Ba La Mật: 4 đầu hồi trang trí 4 bài kệ, 2 bài của Lục Tổ và ngài Thần Tú, thể hiện chữ thảo; 2 bài còn lại, một của ngài Ca Diếp, một là bài Nhất bát thiên gia phạn.

Qua khảo sát, thi kệ chùa Huế thời gian sau này được trình bày chưa theo một điển chế rõ ràng, nội dung tuyển chọn cũng tuỳ thuộc vào cảm nhận giá trị của vị chủ nhân; song công bằng mà nói, sự trang hoàng này tôn vinh giá trị thẩm mỹ cho các ngôi chùa, và nếu như khách thập phương hiểu được tinh thần của chữ nghĩa thì càng tăng bội sự cảm thụ mỹ thuật và tâm linh khi đến chùa lễ Phật. Có lẽ, con người chỉ cần hiểu được thi kệ trích từ thi kệ trong kinh, luật, luận, và thi ca của chư vị tiền bối tổ sư bài trí trên chùa mà chuyên tâm hành pháp thì cũng đã đạt được nhiều thăng tiến về mặt tâm linh vậy.

Kết luận

Ngày nay, chữ Hán cổ không được nhiều người quan tâm, các ô văn tự phổ biến chỉ được người đời xem như một bức trang trí, song chừng đó cũng đã là một vai trò quá lớn của nó vì tạo nên một hiệu ứng thẩm mỹ rất mạnh mẽ sâu sắc, người ta xem đó là những cổ vật vô giá vì đã trải qua một thời gian dài, được đặt trên những vị trí hết sức trang trọng trong những công trình trang trọng nhất của một triều đại. Nếu am hiểu hơn nữa, hẳn đây là những tác phẩm thủ công mỹ nghệ độc bản được chế tác hết sức công phu đặc thù cho ngành nghề truyền thống của dân tộc, cũng là những bức thư pháp độc đáo khiến cho người am hiểu phải ngưỡng mộ.

Ở kiến trúc cung đình, đối với giới văn học, đây là những áng văn chương bất hủ, có thể xem là tinh hoa văn học của dân tộc Việt trong suốt thời gian gần 1 thế kỷ rưỡi. Đối với những nhà nghiên cứu, đây là những nguồn sử liệu trung thành nhất khi nghiên cứu nhiều vấn đề của một triều đại. Đáng suy ngẫm hơn đối với những bậc am tường Nho học, khi đến những nơi xử lý triều chính như Điện Thái Hòa, Điện Cần Chánh... có thể đọc được những lời tuyên ngôn, những lời ngợi ca về độc lập tự chủ, những vần thơ tự hào về truyền thống dân tộc... những ngôi điện vốn đã uy nghi lại càng trang nghiêm hơn trong cảm nhận người tham quan. Những biệt cung của hoàng đế trang trí bao nhiêu là thơ văn về đường lối chính sách trị dân cũng như đạo đức của người ở ngôi cao luôn luôn lo trước cái lo của dân, vui sau niềm vui của dân... Nếu đọc được những vần thơ ấy, người tham quan sẽ thưởng lãm được hoàn toàn giá trị của một di tích cung đình. Cũng vậy, nội dung ô thơ trang trí sẽ làm người ta hiểu rõ hơn về tài năng, đạo đức, công lao của những người được thờ cúng ở các miếu đền, điều đó sẽ cộng hưởng với không khí vốn đã thâm nghiêm ở các loại hình di tích này, tạo nên một cảm giác thành kính vô biên của người đời sau khi đến chiêm bái những di tích này. Đặc biệt, khi đến thăm lăng tẩm của các vua Nguyễn, hiểu được nội dung của các bài thơ càng thấy được cõi đi về của một ông vua quả thật là một thiên đường nơi hạ giới, không còn nữa những bài toán hóc búa của cuộc đời, ở đây chỉ có mây nước trăng trời, chỉ có phong hoa tuyết nguyệt... mọi lo lắng đời thường, kể cả những mối ưu tư về quốc kế - dân sinh hay kinh bang - tế thế... cũng phải dừng lại trước cổng của những khu lăng mộ này. Việc đến rồi đi của một bậc quân vương cũng nằm trong quy luật sinh trưởng hóa thu tàn của vạn vật mà thôi, nên ý nghĩa nhân văn ở đây là để người yên nghỉ về lại với cõi vô ưu không còn vướng bận với cuộc thế trần ai quá nhiều mối lo toan khổ lụy...

Ở chùa quán cũng vậy, nếu hiểu được đạo lý thâm sâu huyền ảo trên các ô thơ cùng với thiện tâm của người gửi gắm và công lao tạo tác rất mực công phu, sẽ cộng hưởng hiệu ứng làm cho khách thập phương viếng chùa lễ Phật dễ dàng tìm được an nhiên thanh tịnh, để quên đi bao ưu phiền khổ luỵ do tham sân hỉ nộ ái dục... tạo ra, cộng với khung cảnh vô trần thoát tục ở cõi thiền môn, có lẽ sẽ dễ gần hơn nhiều với đạo lý chân như của đức Thích Ca.

Thơ văn trên kiến trúc cung đình và chùa quán Huế là niềm tự hào, là những bảo vật của tiền nhân để lại, là kho tàng văn hóa kết tinh trí tuệ của người xưa, cũng là một kho cổ vật vô giá kết tinh tài năng tâm huyết của bao thế hệ nghệ nhân đời trước, đủ để đại diện cho thành tựu về thủ công mỹ nghệ của một thời, có thể làm tăng bội giá trị của quần thể kiến trúc cố đô Huế đang hiện hữu. Và một điều nên suy ngẫm: chỉ còn một mạch nguồn liên tục trong phát triển tự nhiên của kiến trúc chùa Huế có thể bảo lưu và phát triển hình thức trang trí bằng văn tự cho đến hôm nay; nên chăng, những đơn vị trách nhiệm phải có những quy định cụ thể về thiết kế hình thức cả về nội dung văn tự, để định hướng cho sự phát triển này, nhằm có thể tái hiện một hình thức trang trí kính cẩn thâm nghiêm mà trang nhã bác học một thời huy hoàng trong quá khứ tại những chốn thiền môn thâm nghiêm tĩnh lặng!